

PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 54/2007/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 19 tháng 4 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

về việc quản lý, sử dụng xe ôtô phục vụ lễ tân nhà nước
thuộc Bộ Ngoại giao

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày
25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống
lãng phí ngày 29 tháng 11 năm 2005;*

*Căn cứ Nghị định số 14/1998/NĐ-CP
ngày 06 tháng 3 năm 1998 của Chính
phủ về quản lý tài sản nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 137/2006/NĐ-CP
ngày 14 tháng 11 năm 2006 của Chính
phủ về quy định việc phân cấp quản lý
nhà nước đối với tài sản nhà nước tại cơ
quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công
lập, tài sản được xác lập quyền sở hữu
của Nhà nước;*

*Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài
chính,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định chung

1. Quyết định này quy định tiêu chuẩn,
định mức và chế độ trang bị, quản lý,
sử dụng xe ôtô phục vụ lễ tân nhà nước
thuộc Bộ Ngoại giao.

2. Xe ôtô phục vụ lễ tân nhà nước được
hình thành từ nguồn vốn ngân sách nhà
nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách
nhà nước (kể cả viện trợ, quà biếu của
các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước
hoặc được xác lập quyền sở hữu của Nhà
nước theo quy định của pháp luật).

3. Bộ Ngoại giao căn cứ vào tiêu chuẩn,
định mức và quy định tại Quyết định này để
thực hiện trang bị, quản lý, bố trí sử dụng

09672665

xe đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

Điều 2. Quy định việc mua sắm, sử dụng và thay thế xe ôtô phục vụ lễ tân nhà nước

1. Việc mua sắm, trang bị xe ôtô phục vụ lễ tân nhà nước thực hiện theo phương thức đấu thầu theo quy định hiện hành. Trường hợp đặc biệt phải mua theo phương thức chỉ định thầu, việc thực hiện chỉ định thầu phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Nghiêm cấm sử dụng xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước vào việc riêng; tặng, cho thuê, cho mượn đối với bất kỳ tổ chức, cá nhân nào. Trường hợp bán, hoán đổi, điều chuyển, thực hiện theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

3. Xe ôtô phục vụ lễ tân nhà nước được thay thế khi đã qua sử dụng trên 120.000 km.

4. Các trường hợp đặc biệt được thay thế xe ôtô phục vụ lễ tân nhà nước khi chưa đủ điều kiện quy định tại khoản 3 Điều này, cụ thể như sau:

a) Do yêu cầu phục vụ công tác đối ngoại của Đảng và Nhà nước trong tình hình mới cần thay thế xe ôtô trước thời hạn, Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

b) Xe ôtô bị lỗi kỹ thuật nhưng nhà sản xuất không thể khắc phục được, xe bị tai nạn nhưng chi phí sửa chữa quá lớn hoặc xe không bảo đảm các điều kiện về an toàn chất lượng phục vụ công tác đối ngoại, căn cứ vào kết quả kiểm định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Bộ Giao thông vận tải, Bộ Công an và cơ quan có liên quan), Bộ Ngoại giao quyết định thay thế sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Tài chính.

5. Số xe ôtô được thay thế theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này, thực hiện bán đấu giá hoặc điều chuyển theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước. Số tiền bán xe sau khi trừ đi các chi phí trực tiếp có liên quan phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quy định tiêu chuẩn, định mức trang bị và bố trí sử dụng xe ôtô phục vụ lễ tân nhà nước

1. Nhóm xe phục vụ Nguyên thủ, Phó nguyên thủ Quốc gia, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Tổng Thư ký Liên hợp quốc, Đại sứ nước ngoài trình Quốc thư (sau đây gọi chung là Nhóm 1); số lượng xe trang bị là: 04 chiếc.

2. Nhóm xe phục vụ Phó Chủ tịch Quốc hội, Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Ngoại giao hoặc tương đương, phu nhân hoặc phu quân của Nguyên thủ, Phó Nguyên thủ Quốc gia, Chủ tịch

Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi chung là Nhóm 2); số lượng xe trang bị là: 18 chiếc.

3. Nhóm xe phục vụ các Bộ trưởng khác, đoàn viên Đoàn cấp cao, Đoàn viên các Đoàn cấp Phó nguyên thủ, thành viên Hoàng gia (Hoàng tử, Thái tử, Công chúa,...), Chủ tịch Đảng cầm quyền,... các Đoàn khách mời mang tính chất Nhà nước của các Bộ, ngành (sau đây gọi chung là Nhóm 3); số lượng xe trang bị là: 37 chiếc.

4. Loại xe chuyên dùng chở hành lý cho các Đoàn khách quốc tế đến thăm chính thức nước ta và các Đoàn cấp cao của Đảng và Nhà nước ta đi thăm các nước (sau đây gọi chung là Nhóm 4); Số lượng xe trang bị là: 03 chiếc.

5. Bộ Ngoại giao chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan trình Thủ tướng Chính phủ quyết định cụ thể chủng loại xe của từng nhóm khi mua sắm, trang bị bảo đảm phù hợp với tình hình, điều kiện thực tiễn của đất nước và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu phục vụ công tác đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

Điều 4. Quy định việc quản lý xe ôtô phục vụ lễ tân nhà nước

1. Bộ Ngoại giao có trách nhiệm quản lý, sử dụng số xe ôtô đã được trang bị đúng mục đích, tính chất, mức độ theo quy định lễ tân nhà nước và các quy định tại Quyết định này.

2. Trường hợp thay thế xe ôtô theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 2 Quyết định này, Bộ Ngoại giao lập kế hoạch mua sắm, trang bị mới bảo đảm đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác đối ngoại của Đảng và Nhà nước, trên cơ sở đó, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách hàng năm của Bộ Ngoại giao để thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Ngân sách nhà nước bảo đảm hoạt động cho số xe ôtô lễ tân nhà nước theo phương thức thanh toán theo giá cước trên số km sử dụng thực tế phục vụ trực tiếp công tác đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

4. Trường hợp đặc biệt phải huy động thêm xe ôtô (ngoài số xe hiện có theo quy định tại Điều 3 Quyết định này) để đáp ứng yêu cầu về sử dụng phương tiện đi lại phục vụ công tác lễ tân nhà nước, Bộ Ngoại giao chủ động thuê thêm xe theo khung giá phù hợp với giá thực tế thị trường.

Điều 5. Trách nhiệm của các Bộ và các cơ quan liên quan

1. Bộ Ngoại giao có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan triển khai thực hiện Quyết định này;

b) Thống nhất với Bộ Tài chính xây dựng và ban hành Quy chế quản lý, sử dụng xe ôtô phục vụ lễ tân nhà nước, đồng thời chỉ đạo tổ chức thực hiện bảo đảm an toàn, tiết kiệm, hiệu quả và theo đúng quy định về quản lý tài sản nhà nước;

c) Chủ trì thống nhất với Bộ Tài chính quy định giá cước cụ thể (đ/km) theo nguyên tắc bảo đảm bù đắp các chi phí hoạt động của xe theo quy định (Không bao gồm khấu hao cơ bản, sửa chữa lớn tổng thành);

d) Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính lập kế hoạch mua sắm, trang bị xe ôtô phục vụ lễ tân nhà nước theo đúng tiêu chuẩn, định mức quy định tại Quyết định này.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính lập kế hoạch trang bị, mua sắm xe lễ tân nhà nước theo quy định của Quyết định này;

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao và các cơ quan liên quan kiểm tra việc chấp hành kế hoạch đầu tư trang bị, mua sắm xe lễ tân nhà nước theo đúng quy định hiện hành.

3. Bộ Tài chính có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập dự toán ngân sách hàng năm trình cấp có thẩm quyền

quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước để đảm bảo kinh phí trang bị, mua sắm, sử dụng xe ôtô phục vụ lễ tân nhà nước đáp ứng nhu cầu phục vụ công tác;

b) Phối hợp với Bộ Ngoại giao quy định giá cước cho các Nhóm xe ôtô phục vụ lễ tân nhà nước theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 5 Quyết định này;

c) Hướng dẫn, phối hợp kiểm tra, đôn đốc thực hiện Quyết định này.

4. Bộ Công an có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Bộ Ngoại giao thực hiện quản lý nhà nước về xe ôtô phục vụ lễ tân nhà nước theo mục đích, tính chất, mức độ của lễ tân nhà nước quy định;

b) Phối hợp với Bộ Ngoại giao và các cơ quan liên quan bảo đảm an toàn đối với số xe ôtô phục vụ lễ tân nhà nước.

5. Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Bộ Công an, Bộ Ngoại giao kiểm định chất lượng kỹ thuật đối với xe lễ tân nhà nước để làm căn cứ xem xét quyết định việc thay thế xe ô tô theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 2 Quyết định này;

b) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với xe ôtô lễ tân nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành

sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Những quy định trước đây trái với quy định này đều bãi bỏ.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Thủ trưởng các cơ quan

liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tân Dũng

09672665